

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST.

Ngày: 10-5-2022

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN MÔ, TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Cử

2. Bà Trần Thị Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hải Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên mô, tỉnh Ninh Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Giang Thị Quỳnh Loan – Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 125/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Phạm Ngọc T, sinh năm: 1984 (có mặt)

Địa chỉ: xóm 8, xã M, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình

2. *Bị đơn:* Chị Lê Thị M, sinh năm: 1986 (có mặt)

Địa chỉ: xóm 8, xã M, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, bản tự khai bổ sung và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Phạm Ngọc T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh Phạm Ngọc T và chị Lê Thị M được tự do tìm hiểu sau đó tự nguyện tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn tại UBND xã Mai Sơn, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình vào ngày 07 tháng 4 năm 2006. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chị có nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên dẫn đến việc anh chị thường xuyên cãi nhau, cuộc sống gia đình không hòa hợp, ngày càng bế tắc. Năm 2021, anh T đã làm đơn xin ly hôn chị M, sau khi được Tòa án hòa giải thuyết phục, ngày 22/9/2021 anh T đã rút đơn để vợ chồng về đoàn tụ, khắc phục mâu thuẫn. Tuy nhiên, từ khi anh T rút đơn về đến nay mâu thuẫn của hai vợ chồng ngày càng tăng, không còn tiếng nói chung. Từ tháng 5/2021 cho đến nay vợ chồng ly thân, không

sống cùng nhau, không còn quan tâm gì đến nhau, có gọi điện cho nhau cũng xảy ra cãi vã. Cả anh và chị M đều đã cố gắng khắc phục mâu thuẫn, hai bên gia đình cũng tích cực hòa giải nhưng mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Nay anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể về đoàn tụ được, kéo dài cuộc hôn nhân chỉ làm khổ nhau và khổ gia đình nên anh xin ly hôn với chị Lê Thị M.

Về nuôi con chung: anh Phạm Ngọc T và chị Lê Thị M có 03 con chung là cháu Phạm Phương N, sinh ngày: 12/9/2007; cháu Phạm Kim N, sinh ngày: 03/10/2012 và cháu Phạm Công T, sinh ngày: 05/02/2018. Nay vợ chồng ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phạm Công T, còn chị Lê Thị M được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phạm Phương N và cháu Phạm Kim N, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Phạm Kim N mỗi tháng là 2.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 6/2022 cho đến khi cháu Phạm Kim N đủ 18 tuổi. Về căn cứ chứng minh điều kiện nuôi con: anh Tùng hiện là nhân viên kinh doanh của Ngân hàng thương mại TNHH MTV đầu khí toàn cầu – chi nhánh Ninh Bình, có thu nhập ổn định là 7.051.000 đồng/tháng. Thời gian làm việc của anh là 5 ngày/tuần, buổi sáng từ 7h30 đến 11h, buổi chiều từ 13h đến 17h.

Về chia tài sản chung, nợ chung: anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: anh xin chịu trách nhiệm nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Theo bản tự khai, bản tự khai bổ sung và tại phiên tòa, bị đơn chị Lê Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị thống nhất như phần trình bày của anh Phạm Ngọc T về thời gian tìm hiểu, việc đăng ký kết hôn của hai vợ chồng. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Tùng có quan hệ với người phụ nữ khác nhưng chị không có căn cứ để chứng minh. Anh T đã xin ly hôn chị và sau đó rút đơn về nên Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án dân sự tại quyết định đình chỉ số: 28/2021/QĐST-HNGĐ ngày 22/9/2021. Chị xác định anh chị đã ly thân, không sống cùng nhau từ tháng 5/2021 cho đến nay. Từ sau khi anh T rút đơn về thì mâu thuẫn của anh chị vẫn không được khắc phục, cuộc sống của hai vợ chồng không có hạnh phúc. Sau khi mâu thuẫn phát sinh anh chị đã cố gắng khắc phục, hai bên gia đình đã hòa giải nhưng đều không có kết quả. Tại bản tự khai ngày 20/12/2021 chị đồng ý ly hôn với anh T nhưng tại bản tự khai bổ sung ngày 16/02/2022, tại phiên tòa chị lại thay đổi ý kiến không đồng ý ly hôn với anh T vì chị vẫn còn tình cảm với anh T và chị muốn các con được sống chung với cả bố lẫn mẹ.

Về nuôi con chung: chị M thống nhất với phần trình bày của anh T, anh chị có 03 con chung là cháu Phạm Phương N, sinh ngày: 12/9/2007; cháu Phạm Kim N, sinh ngày: 03/10/2012 và cháu Phạm Công T, sinh ngày: 05/02/2018. Nay vợ chồng ly hôn, chị xin được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 3 cháu Phạm Phương N, Phạm Kim N và Phạm Công T, không đề nghị gì về việc cấp dưỡng nuôi con. Về điều kiện nuôi con: chị M xác định chị là công nhân của Công ty TNHH Giấy ADORA Việt Nam có địa chỉ tại xã Quang Sơn, thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình, thời gian làm việc của chị M là 6 ngày/tuần, buổi sáng bắt đầu đi làm từ

7h đến 19h (nếu có tăng ca), đến 18h (nếu không có tăng ca), mức lương trung bình của chị là từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng/tháng, ngoài ra chị còn có thu nhập thêm là 1.000.000 đồng/tháng nhưng do không muốn ly hôn nên chị không nộp căn cứ về thu nhập hàng tháng cho Tòa án.

Về chia tài sản chung, nợ chung: chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản ghi ý kiến con chưa thành niên: Cháu Phạm Phương N và Phạm Kim N đều có nguyện vọng được ở với cả bố và mẹ nếu Tòa án giải quyết cho bố mẹ các cháu ly hôn.

Tại Biên bản xác minh ngày 23/3/2022, UBND xã Mai Sơn, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình cung cấp: trong quá trình anh T và chị M chung sống với nhau không thấy anh T và chị M có biểu hiện mâu thuẫn vợ chồng ra bên ngoài, chính quyền địa phương cũng không phải hòa giải mâu thuẫn cho anh T, chị M lần nào nên không nắm rõ được mâu thuẫn của anh T và chị M. Từ tháng 7/2021 anh T không còn sống chung cùng chị M mà thuê nhà chỗ khác để sinh sống, anh T chỉ về chơi với con chứ không ngủ lại nhà. Anh T, chị M có 03 con chung là Phạm Phương N, Phạm Kim N và Phạm Công T. Do anh T và chị M đều bận đi làm nên việc chăm sóc các cháu đều do bố mẹ anh T đảm nhiệm. Chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giao con chung cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng vì bố mẹ anh T sẽ hỗ trợ được anh T trong việc chăm sóc con chung. Anh T, chị M không có biểu hiện đánh đập, ngược đãi con cái. Anh T là nhân viên ngân hàng, chị M là công nhân công ty TNHH Giấy ADORA Việt Nam, thu nhập của chị M khoảng 6.000.000 đồng/tháng. Anh T và chị M có nhà riêng ngay cạnh nhà của bố mẹ đẻ anh T.

Tại Biên bản xác minh ngày 23/3/2022, ông Phạm Xuân Th là bố đẻ anh T cung cấp: anh T, chị M phát sinh mâu thuẫn năm 2019 do bất đồng quan điểm trong việc xây dựng kinh tế gia đình nên thỉnh thoảng có cãi nhau. Tháng 7/2021, anh T làm đơn xin ly hôn chị M nhưng sau đó lại rút đơn để vợ chồng đoàn tụ. Sau khi anh T rút đơn về thì anh T, chị M không ở chung với nhau, anh T thuê nhà chỗ khác ở, chỉ về chơi với con chứ không ở lại nhà, không ngủ lại nhà. Do anh T và chị M đều bận đi làm nên việc chăm sóc các con của anh T, chị M đều do vợ chồng ông đảm nhiệm. Ông đề nghị Tòa án giao con chung cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng để ông bà tiếp tục hỗ trợ anh T trong việc chăm sóc các cháu như hiện nay.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mô phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án là đúng; việc tuân theo pháp luật tố tụng của nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của pháp luật còn bị đơn chưa thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Quan điểm về việc giải quyết nội dung vụ án: áp dụng: Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Ngọc T.

- Xử cho ly hôn giữa anh Phạm Ngọc T và chị Lê Thị M.

- Về nuôi con chung: Giao cháu Phạm Công T, sinh ngày: 05/02/2018 cho anh Phạm Ngọc T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục sau khi ly hôn. Giao cháu Phạm Phương N, sinh ngày: 12/9/2007 và cháu Phạm Kim N, sinh ngày: 03/10/2012 cho chị Lê Thị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục sau khi ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con: ghi nhận ý kiến của anh anh Phạm Ngọc T, anh Tùng có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Phạm Kim N mỗi tháng là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 6/2022 cho đến khi cháu Phạm Kim N đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Phạm Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ, tổng cộng là 600.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng. Anh Phạm Ngọc T còn phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Yên Mô nhận định:

[1] Về thẩm quyền:

Anh Phạm Ngọc T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Chị Lê Thị M có nơi cư trú tại huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: anh Phạm Ngọc T và chị Lê Thị M đăng ký kết hôn vào ngày 07/4/2006 tại Ủy ban nhân dân xã Mai Sơn, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình trên cơ sở tự nguyện đến với nhau, không vi phạm điều cấm của pháp luật là hôn nhân hợp pháp. Tháng 7 năm 2021 anh T khởi kiện xin ly hôn với chị Lê Thị M. Sau khi được Tòa án phân tích hòa giải, đến tháng 9/2021 anh T rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên, kể từ khi anh T rút đơn khởi kiện cho đến nay, anh chị vẫn không về chung sống cùng nhau, vợ chồng không khắc phục được mâu thuẫn. Cả anh T và chị M đều xác nhận vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ đầu năm 2020 và ly thân, không sống cùng nhau từ tháng 5/2021 cho đến nay, đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Mặc dù chị Lê Thị M không đồng ý ly hôn nhưng anh T và chị M đã được Tòa án tạo điều kiện để có thời gian đoàn tụ, khắc phục mâu thuẫn. Bản thân anh chị đã có nhiều cố gắng và gia đình hai bên đã hòa giải nhưng anh chị vẫn không thể khắc phục mâu thuẫn, vẫn ly thân, không sống chung với nhau, cuộc sống vợ chồng

không hạnh phúc, không còn sự thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình nên có đủ căn cứ để xác định anh T và chị M đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Phạm Ngọc T xử cho ly hôn giữa anh Phạm Ngọc T và chị Lê Thị M.

Về nuôi con chung:

Nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất về việc anh chị có 03 con chung là cháu Phạm Phương N, sinh ngày: 12/9/2007; cháu Phạm Kim N, sinh ngày: 03/10/2012 và cháu Phạm Công T, sinh ngày: 05/02/2018. Theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là tình tiết không phải chứng minh.

Anh Tùng yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phạm Công T còn chị Mền yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả ba cháu Phạm Phương N, Phạm Kim N và Phạm Công T sau khi ly hôn.

Hội đồng xét xử xét về hoàn cảnh, điều kiện của các đương sự thấy rằng:

Tòa án đã yêu cầu chị Mền cung cấp các tài liệu, chứng cứ liên quan đến điều kiện nuôi con nhưng chị M không cung cấp. Theo xác minh tại UBND xã Mai Sơn, tại gia đình ông Phạm Xuân Th, lời khai của chị Lê Thị M tại phiên tòa và theo các tài liệu do anh Phạm Ngọc T cung cấp thì có căn cứ xác định anh T, chị M đều có nghề nghiệp, thu nhập, chỗ ở ổn định và đều có nguyện vọng được nuôi con. Xét thấy, thời gian làm việc của chị M là 6 ngày/tuần, buổi sáng bắt đầu đi làm từ 7h đến 19h (nếu có tăng ca), đến 18h (nếu không có tăng ca). Thời gian làm việc của anh T là 5 ngày/tuần, buổi sáng từ 7h30 đến 11h, buổi chiều từ 13h đến 17h. Hiện nay, việc chăm sóc các con của anh T và chị M đều phụ thuộc rất nhiều vào bố mẹ anh T, giờ giấc làm việc của anh T linh hoạt hơn chị M nên anh T vẫn có thời gian để về chơi và chăm sóc con. Bố mẹ anh T cũng sẽ hỗ trợ anh T trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu. Như vậy, hàng ngày chị M ít có điều kiện về thời gian để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con, thời gian làm việc của anh T linh hoạt hơn nên anh T có điều kiện gần gũi con, chăm sóc con, do đó yêu cầu của chị M được trực tiếp chăm sóc cả ba con chung là không phù hợp.

Khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con...”. Xét thấy cháu Phạm Phương N đã lớn, cháu đã tự lập được trong sinh hoạt hàng ngày còn cháu Phạm Kim N và cháu Phạm Công T còn nhỏ, đều có sức khỏe không tốt nên cần sự quan tâm, chăm sóc của bố mẹ nhiều hơn. Cháu Phạm Phương N và cháu Phạm Kim N là con gái cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ hơn nên giao hai cháu Phạm Phương N, Phạm Kim N cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Cháu Phạm Công T còn nhỏ, anh T có nhiều thời gian chăm sóc con hơn nên giao cháu Phạm Công T cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu Phạm Phương N, cháu Phạm Kim N, cháu Phạm Công T và nguyện vọng của các cháu; Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mô, giao hai cháu Phạm Phương N và Phạm Kim N cho chị Mến trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Phạm Công T cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: anh Phạm Ngọc T tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Phạm Kim N mỗi tháng là 2.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 6/2022 cho đến khi cháu Phạm Công T đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của anh Phạm Ngọc T.

Quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về chia tài sản chung, nợ chung: anh Phạm Ngọc T và chị Lê Thị M đều không đề nghị Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo:

Về án phí dân sự sơ thẩm: trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên anh Phạm Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh Phạm Ngọc T có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ nên phải chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Ngọc T về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với chị Lê Thị M.

1. Về quan hệ hôn nhân: xử cho ly hôn giữa anh Phạm Ngọc T và chị Lê Thị M.

2. Về nuôi con chung:

Giao cháu Phạm Công T, sinh ngày: 05/02/2018 cho anh Phạm Ngọc T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục sau khi ly hôn.

Giao cháu Phạm Phương N, sinh ngày: 12/9/2007 và cháu Phạm Kim N, sinh ngày: 03/10/2012 cho chị Lê Thị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục sau khi ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con: ghi nhận sự tự nguyện của anh Phạm Ngọc T, anh Phạm Ngọc T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Phạm Kim N mỗi tháng là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 6/2022 cho đến khi cháu Phạm Kim N đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Phạm Ngọc T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ, tổng cộng là 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2021/0006245 ngày 08/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình. Anh Phạm Ngọc T còn phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn đã tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt khi Tòa án tuyên án mà không có lý do chính đáng có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện Yên Mô;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Yên Mô;
- UBND xã Mai Sơn, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thu Minh

